

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **58/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: **14 - 6 - 2024**

"Về việc: **Ly hôn**"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.**

**Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Xuân Thủy.**

**2. Ông Phạm Văn Tiến.**

- **Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày **14** tháng **6** năm **2024**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **157/2024/TLST-HNGĐ** ngày 11 tháng 4 năm 2024, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **46/2024/QĐXXST-HNGĐ** ngày 10 tháng 5 năm 2024; **Thông báo mở lại phiên tòa số 29/2024/TB-TA** ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Đỗ Thị L**, sinh năm 1990; nơi cư trú: **thôn L, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa**; (Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Tuấn V**, sinh năm 1991; nơi cư trú: **thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận**; (Vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1]. Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn **chị Đỗ Thị L** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị L** và anh **Nguyễn Tuấn V** tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ** vào năm 2017. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh **V** không lo làm ăn mà ăn chơi, mọi vấn đề trong gia đình đều do chị **L** gánh vác. Do mâu thuẫn với nhau nên chị **L** và anh **V** đã tự sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Chị **L** bỏ về nhà cha mẹ ở Thanh Hóa sinh sống cho đến nay, còn anh **V** sống ở **Đ** với cha mẹ. Trong thời gian ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Hiện nay chị **L** nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **L** yêu cầu được ly hôn với anh **V**.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ đầy đủ Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh **Nguyễn Tuấn V** không tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của anh **V** và cũng không tiến hành hòa giải được.

[3]. Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2017 của **UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận**; 01 bản sao có chứng thực Căn cước công dân của chị **Đỗ Thị L**.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương **xã Đ** về quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị **L**, anh **V** và lập Biên bản xác minh ngày 02/05/2024 (Bút số 28).

[4]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Đỗ Thị L**; xử cho chị **Đỗ Thị L** được ly hôn với anh **Nguyễn Tuấn V**; buộc chị **L** phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Đỗ Thị L** vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh **Nguyễn Tuấn V** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **L**, anh **V** là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án chỉ có yêu cầu của nguyên đơn chị **Đỗ Thị L**, yêu cầu giải quyết ly hôn; ngoài ra không có yêu cầu nào khác của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn có nơi cư trú tại **huyện T, tỉnh Bình Thuận**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn **chị Đỗ Thị L**, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2017 của **UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận** (Bút lục số 02) mà **nguyên đơn chị Đỗ Thị L** đã cung cấp; căn cứ lời khai phù hợp của nguyên đơn **chị L**; có đủ cơ sở xác định: **Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Tuấn V** tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa **chị L và anh V** là hợp pháp. Vì vậy, **chị L** có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn **chị Đỗ Thị L** trình bày: Sau khi kết hôn, chị và anh **V** chung sống hạnh phúc một thời gian với nhau thì sau này phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì sau khi vợ chồng cưới về thì anh **V** không lo làm ăn mà ăn chơi, mọi vấn đề trong gia đình đều do chị **L** gánh vác, nên chị **L** và anh **V** đã sống ly thân với nhau từ năm 2019. Chị **L** bỏ về nhà cha mẹ ở Thanh Hóa sống cho đến nay, còn anh **V** sống ở **Đ** với cha mẹ, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Hiện nay chị **L** nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị **L** yêu cầu được ly hôn với anh **V**. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải giữa chị **L** và anh **V** nhưng anh **V** vắng mặt không có lý do vì thế Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Tại biên bản xác minh lập ngày 02/05/2024 (Bút số 28) tại địa phương **xã Đ** đã cung cấp thông tin: Vợ chồng chị **L** và anh **V** chung sống không hạnh phúc, không có con chung với nhau và hiện đã đi làm ăn xa.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định được: Hôn nhân giữa chị **L** và anh **V** đã phát sinh mâu thuẫn và lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị **L** yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị **L** được ly hôn với anh **V**.

[3.2]. Về con chung: Căn cứ lời khai của **nguyên đơn chị Đỗ Thị L** xác định chị **L** và anh **V** không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **L**, anh **V** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4.]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử buộc **chị Đỗ Thị L** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:****Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144, các Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

- [1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Đỗ Thị L**:  
Về việc ly hôn: Chị **Đỗ Thị L** được ly hôn với anh **Nguyễn Tuấn V**.
- [2]. Về án phí: Buộc **chị Đỗ Thị L** phải chịu **300.000đồng** án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào **300.000đồng** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **0005841** ngày **11/4/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; sau khi khấu trừ, **chị Đỗ Thị L** đã nộp đủ tiền án phí.
- [3]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- UBND **xã Đức Bình, Thanh Hóa**;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Mạnh Trí**